

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:199/2019/HNGĐ – ST
Ngày 03- 5 - 2019.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Mút.

Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST– HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 576/2019/QĐST–HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Văn Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: 79/3 ấp TL, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

Bị đơn: Trần Thị Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: 79/3 ấp TL, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Văn Văn H trình bày:

Vào năm 1992 anh và chị Đ tự nguyện sống chung vợ chồng nhưng không có đăng ký kết theo quy định của pháp luật. Anh và chị Đ có 04 con chung tên Văn Công X, sinh năm 1992; Văn Công V, sinh năm 1994, Văn Công T, sinh năm 1994; Văn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2007. Hiện các con tên Công Xuân, Công Vũ, công Trường đã trưởng thành, riêng cháu Thúy Vy đang sống chung với anh.

Về tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Đ có tạo lập được các tài sản chung gồm các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và sửa chữa, tu bổ ngôi nhà, ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Nguyên nhân anh yêu cầu ly hôn với chị Đ là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị Đ nhiều lần chửi mắng xúc phạm gia đình anh. Anh đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị Đ không thay đổi. Hiện nay anh, chị còn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm không quan tâm chăm sóc cho nhau.

Do anh và chị Đ có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Đ là vợ chồng.

- Về con chung: anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Văn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2007, anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Văn Công X, sinh năm 1992; Văn Công V, sinh năm 1994, Văn Công T, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Anh không đồng ý giao cho chị Đ số tiền 100.000.000 đồng.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Trần Thị Đ trình bày:

Chị thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như lời trình của anh H.

Nguyên nhân anh chị không còn sống chung là do tính tình không hợp nhau, anh chị có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Qua yêu cầu của anh H thì chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: chị đồng ý giao cho anh H được trực tiếp nuôi con chung tên Văn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2007, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Văn Công X, sinh năm 1992; Văn Công V, sinh năm 1994, Văn Công T, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: chị đồng ý giao cho anh H quản lý sử dụng toàn bộ tài sản, chị yêu cầu anh H phải giao trả ½ giá trị tài sản với số tiền 100.000.000 đồng.

- Về nợ chung: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Trần Thị Đ hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 79/3 ấp TL, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Trần Thị Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ.

[4] Về hôn nhân: Vào năm 1992 anh Văn Văn H và chị Trần Thị Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật, xét thấy: anh H và chị Đ có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh H và chị Đ không có đăng ký kết theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng. Lễ đó việc anh H có yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Đ là vợ chồng là phù hợp khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: anh Văn Văn H và chị Trần Thị Đ có 04 con chung tên là Văn Công X, sinh năm 1992; Văn Công V, sinh năm 1994, Văn Công T, sinh năm 1994; Văn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2007. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị Đ thống nhất giao cho chung tên Văn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2007 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời con chung tên Thúy Vy có nguyện vọng sống chung với anh H. Do đó sự tự nguyện thỏa thuận của anh H và chị Đ về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung tên Văn Công X, sinh năm 1992; Văn Công V, sinh năm 1994, Văn Công T, sinh năm 1994 đã trưởng thành anh H, chị Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do anh H không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh H, chị Đ trình bày có tài sản chung nhưng anh H không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng chị Đ trình bày muốn anh H chia tài sản chung cho chị với số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị Đ biết để có đơn yêu cầu chia tài sản chung và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng chị Đ không nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thông báo của Tòa án. Lễ đó yêu cầu của chị Đ không được Hội đồng xét xử xem xét. Chị Trần Thị Đ có quyền yêu cầu chia tài sản chung thành vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Anh Văn Văn H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 144, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Văn Văn H và chị Trần Thị Đ là vợ chồng.

Về con chung : Anh Văn Văn H được trực tiếp nuôi con chung tên Văn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2007. Do anh Văn Văn H không yêu cầu chị Trần Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị Đ có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Văn Văn H và chị Trần Thị Đ có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung tên Văn Công X, sinh năm 1992; Văn Công V, sinh năm 1994, Văn Công T, sinh năm 1994 đã trưởng thành anh H, chị Đ không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết, anh Văn Văn H và chị Trần Thị Đ có quyền tranh chấp thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Văn Văn H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021554 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bình Thạnh
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

